TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Bẩy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị B** , sinh năm 1991. ĐKHKTT: xã T, huyện K , tỉnh Hải Dương. Hiện ở: thôn T, xã B, huyện A , thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Lưu Quang N** , sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: thôn N, xã T, huyện K , tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị và anh Lưu Quang N kết hôn trên cơ sở tự nguyện được đăng ký kết hôn vào ngày 04/4/2011 tại UBND xã T, huyện K , tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị và anh N chung sống hoà thuận được 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau về tính tình, không hiểu nhau về việc chi tiêu trong gia đình. Mâu thuẫn ban đầu còn nhỏ, song hai bên không dàn xếp được và cứ để tình trạng này qua nhiều năm dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng

thẳng, hai bên không nói chuyện với nhau, việc của ai người đó làm, không còn quan ttam đến nhau nữa. Tháng 2/2019, chị B bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở được khoảng 3-4 tháng thì anh N sang đón chị về đoàn tụ, đến tháng 4/2021 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 01/2022, chị B làm đơn xin ly hôn anh N, sau đó do thương con nên chị lại rút đơn về. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N vẫn không được cải thiện, vợ chồng không còn tình cảm. Vì vậy, chị đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn anh N để giải phóng cho đôi bên khỏi giàng buộc.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Lưu Quang D , sinh ngày 25/7/2009 và Lưu Quang H , sinh ngày 15/6/2013. Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh N. Nay ly hôn quan điểm của chị B là tuỳ theo nguyện vọng của con chung, nếu các cháu ở với chị thì chị sẽ nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N đóng góp tiền nuôi con chung. Còn nếu các cháu có nguyện vọng ở với anh N thì chị cũng nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía anh Lưu Quang N , quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh N nhiều lần đến trụ sở Tòa án để làm việc, song anh N đều không đến. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh N được.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Lưu Quang Tr, sinh năm 1963 là bố đẻ của anh N trình bày: anh N và chị B kết hôn năm 2011, trong mấy năm đầu sau kết hôn anh N và chị B chung sống hoà thuận không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến năm 2021, chị B có quan hệ nam nữ không đúng mực, anh N biết việc này và đã nhắc nhở chị B nhiều lần nhưng chị B không thay đổi. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 4/2021 thì chị B bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ khi chị B bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, thỉnh thoảng chị B mới về thăm con. Anh N cũng gọi điện nhiều lần cho chị B để động viên chị B quay về nhưng chị B không về. Khi chị B có đơn xin ly hôn anh N, anh N và chị B đã bàn bạc với nhau về việc ai là người nuôi dưỡng con chung. Sau đó anh chị đã thống nhất cháu D ở với anh N, còn cháu H ở với chị B. Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, Tòa án có gửi Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho anh N, ông đều nhận thay ông đều giao trực tiếp cho anh N. Song do bận công việc nên anh N không có thời gian đến Toà án được, anh N có nói với ông tình cảm vợ chồng không còn, chị B xin ly hôn anh nhất trí và đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn không thực

hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án: Quan điểm VKS đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị B được ly hôn anh N; Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lưu Quang H , sinh ngày 15/6/2013; Giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Quang D , sinh năm 2009. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: chị B phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh hiện đang cư trú tại huyện Kim Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị B là nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, anh Lưu Quang N được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên toà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị B và anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Lưu Quang N kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị B và anh N chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không hợp nhau về tính tình và chị B đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ 2 lần, anh chị đã sống ly thân từ lâu không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, đã xác định được quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B xin được ly hôn anh Lưu Quang N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành ghi lời khai của cháu Lưu Quang D và Lưu Quang H là con chung của chị B và anh N. Cháu D có nguyện vọng xin được ở với chị B, cháu H có nguyện vọng xin ở với anh N. Vì vậy, cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Lưu Quang H , sinh ngày 15/6/2013 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu Lưu Quang D , sinh ngày 25/7/2009 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do giao cho mỗi người nuôi một con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Hơn nữa, Toà án không lấy được lời khai của anh N để có quan điểm về tài sản nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án này.

Sau này nếu anh N có yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng thì Toà án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B , cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Lưu Quang N .

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Quang H , sinh ngày 15/6/2013 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Lưu Quang D , ngày 25/7/2009 cho anh Lưu Quang N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2021/0003063 ngày 10 tháng 5 năm 2023. Chị B đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Chị B và anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA Dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã T, huyện K (nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Nguyễn Thị Ngọc Bích